IRDOP

Viện nghiên cứu và phát triển Sản phẩm thiên nhiên
/ Institute for Research and Development of Organic Products
Phòng Phân tích - Kiểm nghiệm / Analysis and Testing Dept.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
/ Certificate of Analysis

Xuất bản / Ref.: PPT26t120901-K69D31H Ngày / Date: 19/9/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG NAM DƯỢC NGUYỄN THIỆU

Lô 1A, Cụm công nghiệp Quỳnh Hồng, Xã Quỳnh Phụ, Hưng Yên, Việt Nam.

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26t1209-01

Tên mẫu thử:	**Xoa bóp ngải cứu**
Lô sản xuất:	010926
Ngày sản xuất:	12/09/2026
Hạn sử dụng:	12/09/2028
Ngày tiếp nhận:	12/09/2026
Ngày thử nghiệm:	12/09/2026 - 19/09/2026
Tình trạng mẫu lưu:	Không có mẫu lưu
Mô tả:	Mẫu dạng lỏng, đóng trong chai nhựa, trên chai dán thông tin mẫu

- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the test results on the following page -

Ghi chú / Note:

KPH: Không phát hiện / Not detected.
LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.
LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.
IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.
EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.
VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.
TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo NĐ 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.
Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.
Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
/ Certificate of Analysis

Xuất bản / Ref.: PPT26t120901-K69D31H Ngày / Date: 19/9/2026

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Cảm quan	Dung dịch, màu nâu, mùi đặc trưng		HDPP01-KN (2021)	IRDOP
2.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	KPH (LOD: 1) / Not detected (LOD: 1)	CFU/ml	ISO 21149:2017/Amd 1:2022	IRDOP
3.	Tổng số nấm men và nấm mốc	KPH (LOD: 1) / Not detected (LOD: 1)	CFU/ml	TCVN 13633:2023 (ISO 16212:2017)	IRDOP
4.	*Pseudomonas aeruginosa*	KPH ($eLOD_{50}$: 5) / Not detected ($eLOD_{50}$: 5)	CFU/ml	ISO 22717:2015/Amd 1:2022	IRDOP
5.	*Staphylococcus aureus*	KPH ($eLOD_{50}$: 6) / Not detected ($eLOD_{50}$: 6)	CFU/ml	ISO 22718:2015/Amd 1:2022	IRDOP
6.	*Candida albicans*	KPH ($eLOD_{50}$: 6) / Not detected ($eLOD_{50}$: 6)	CFU/ml	ISO 18416:2015/Amd 1:2022	IRDOP
7.	Chì (Pb)	KPH (LOD: 0,05) / Not detected (LOD: 0,05)	mg/L	Pro 5901 ICP-MS	IRDOP
8.	Arsen (As)	KPH (LOD: 0,05) / Not detected (LOD: 0,05)	mg/L	Pro 5901 ICP-MS	IRDOP
9.	Thủy ngân (Hg)	KPH (LOD: 0,02) / Not detected (LOD: 0,02)	mg/L	Pro 5901 ICP-MS	IRDOP
10.	Định tính Ngải cứu	Dương tính với alpha-Thujone		Pro 4001 MS	IRDOP
11.	pH	6,75		DĐVN V, phụ lục 6.2	IRDOP

TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM
PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager

Trần Thị Lan